

Số: 227 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2023

### KẾT LUẬN THANH TRA

#### Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Trường Đại học Phenikaa

Thực hiện Quyết định số 372/QĐ-TTr ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Trường Đại học Phenikaa, ngày 14 tháng 9 năm 2023, Đoàn thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động Trường Đại học Phenikaa;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Trường đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

#### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

- Tên đơn vị được thanh tra: Trường Đại học Phenikaa (sau đây gọi là Trường).

- Loại hình hoạt động: trường tư thục.

- Tiền thân là Trường Đại học Thành Tây thành lập theo Quyết định số 1368/QĐ-TTg ngày 10/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ, sau đó được đổi tên thành Trường Đại học Phenikaa theo Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 21/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngành nghề hoạt động chính: giáo dục đại học và sau đại học; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ.

- Điện thoại: 024.62918118.

- Trụ sở chính của Trường: phố Nguyễn Văn Trác, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Các tài khoản của Trường:

+ Tài khoản số 0031100678007 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt.

+ Tài khoản số 45010006688990 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông.

+ Tài khoản số 1024669999 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công.

h

- Đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.
- Tổng số người đang làm việc tại Trường: 701 người, trong đó có 375 lao động nữ.

## **II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

### **1. Các loại báo cáo định kỳ**

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Tuy nhiên, thực hiện chưa đúng thời gian theo quy định (báo cáo 6 tháng đầu năm 2022 lập ngày 08/7/2022; báo cáo năm 2022 lập ngày 10/01/2023 và báo cáo 6 tháng đầu năm 2023 lập ngày 10/7/2023).

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

### **2. Tuyển dụng và đào tạo lao động**

- Trường tuyển mới 99 người.

- Hình thức và phương thức tuyển: đã thực hiện tuyển dụng bằng hình thức đăng thông tin tuyển dụng công khai trên website của Trường và các trang tin tuyển dụng. Thực hiện phỏng vấn trực tiếp người lao động ứng tuyển.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử có đủ các thông tin về người lao động.

- Trường không ký kết hợp đồng đào tạo nghề, hợp đồng học nghề, tập nghề với người học nghề, tập nghề để làm việc cho Trường.

### **3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động**

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 0 người.

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 694 người. Trường đã giao kết hợp đồng lao động đối với 694 người, cụ thể:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 147 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 547 người.

- Số người chưa được ký hợp đồng lao động: 07 người do đang trong thời gian thử việc. Trường áp dụng thời gian thử việc theo quy định.

- Trường không sử dụng người lao động thuê lại.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại Trường không có lao động bị mất việc làm.

- Trường có 105/105 người lao động thôi việc không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

#### **4. Đối thoại tại Trường và thoả ước lao động tập thể**

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc theo quy định.  
 - Đã xây dựng và ký thoả ước lao động tập thể ngày 03/3/2022. Thoả ước lao động tập thể có một số nội dung có lợi hơn so với quy định của pháp luật lao động: thưởng tháng lương thứ 13; chúc mừng người lao động nhân ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày Nhà giáo, ngày Thầy thuốc; mừng sinh nhật, kết hôn.

- Trình tự, thủ tục xây dựng thoả ước lao động tập thể chưa bảo đảm theo quy định: chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại; chưa lập biên bản phiên họp thương lượng tập thể; chưa tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của người lao động về những nội dung thương lượng tập thể đã đạt được trước khi ký kết thoả ước lao động.

- Đã thực hiện theo các nội dung đã thoả thuận trong thoả ước lao động tập thể.

- Đã gửi thoả ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quyết định số 23/NQ-ĐHP-HĐT ngày 31/12/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường.

#### **5. Tiền lương và trả công lao động**

- Trường áp dụng mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định (áp dụng mức lương tối thiểu là 4.917.000 đồng/người/tháng).

- Thu nhập thấp nhất: 4.917.000 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 140.028.289 đồng/người/tháng; thu nhập bình quân: 19.950.613 đồng/người/tháng.

- Trường trả lương qua tài khoản ngân hàng và trả phí mở, duy trì tài khoản.

- Áp dụng hình thức trả lương theo thời gian (tính theo ngày công thực tế).

- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ theo quy định; không phát sinh tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ vào ban đêm.

- Đã trả tiền lương những ngày chưa nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc theo quy định.

- Trường không phát sinh ngừng việc.

- Không khấu trừ lương của người lao động; không thực hiện xử lý kỷ luật người lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương.

*h*

- Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 30.000 đồng/người/ca làm việc.

### **6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi**

- Thời giờ làm việc trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần.

- Huy động người lao động làm thêm không vượt quá số giờ theo quy định.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường là 12 ngày, người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày (chưa tính thâm niên).

- Đã quy định thời gian nghỉ ngắn trong giờ làm việc là 05 phút/lần khi kết thúc tiết học.

### **7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất**

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động: ông Hồ Xuân Năng - Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Trường và ông Phạm Thành Huy - Hiệu trưởng Trường là người được ủy quyền theo giấy ủy quyền số 07/UQ-ĐHP-HĐT ngày 31/8/2023 của ông Hồ Xuân Năng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

- Nội quy lao động có một số nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật lao động, cụ thể:

+ Không quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.

+ Điều 12 quy định tất cả các trường hợp nghỉ đều phải xin phép.

- Trong thời kỳ thanh tra, Trường không xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất.

### **8. Lao động đặc thù**

#### **8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ**

- Trường đang sử dụng tổng số 375 người lao động nữ.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc và được hưởng nguyên lương.

+ Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ ngày làm việc và được hưởng nguyên lương.

+ Trường không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nam/nữ riêng biệt theo quy định.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản theo quy định.

- Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

### **8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật**

Trường không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật.

### **8.3. Đối với lao động là người nước ngoài**

- Tổng số lao động là người nước ngoài: 03 người (trong đó, có 01 người cao tuổi).

- Số lao động là người nước ngoài thuộc đối tượng phải có giấy phép lao động: 03 người.

- Số lao động là người nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động: 03 người.

### **8.4. Đối với người lao động cao tuổi**

- Tổng số lao động là người lao động cao tuổi: 58 người.

- Đã thực hiện chế độ giảm giờ làm việc đối với lao động cao tuổi theo quy định.

- Đã khám sức khỏe định kỳ cho người lao động cao tuổi theo quy định.

## **9. Khiếu nại, tranh chấp lao động**

Tại Trường không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

## **10. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Đã thống kê 23 người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; không có người lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã thống kê 156 người lao động (làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động).

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đủ nội dung theo quy định.

- Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

h

- Đã bố trí 01 người (ông Nguyễn Mạnh Cường - cử nhân hệ thống điện) làm chuyên trách về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quyết định số 955/QĐ-ĐHP-TCNS ngày 10/7/2023 của Hiệu trưởng Trường.

- Đã thành lập phòng y tế và bố trí 02 người làm công tác y tế tại Trường: bà Nguyễn Phương Anh - Cử nhân y tế cộng đồng và ông Nguyễn Hùng Mạnh - Trung cấp y.

- Tổng số máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 97 máy, thiết bị (34 thang máy; 63 hệ thống lạnh) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định.

- Đã xây dựng và ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã thực hiện huấn luyện định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động. Tuy nhiên, chưa lưu giữ tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động theo quy định.

- Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định.

- Đã bồi dưỡng bằng sữa tươi cho 23 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm với mức 13.000 đồng/người/ngày làm việc.

- Tại Trường không xảy ra tai nạn lao động.

- Đã lập sổ thống kê tai nạn lao động nhưng chưa đủ thông tin cần thiết theo quy định, thiếu thông tin về mã số bảo hiểm xã hội, trình độ, yếu tố gây chấn thương, loại chấn thương.

- Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định (các mẫu đo đều đạt tiêu chuẩn).

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản; đã khám ít nhất 6 tháng/ lần đối với lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người lao động theo quy định.

#### **11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 636 người, trong đó:

+ Số người đã tham gia: 620 người (trong đó có 02 người lao động nước ngoài).

+ Số người chưa tham gia: 16 người (mới ký hợp đồng lao động và đã báo tăng ngày 08/9/2023).

h

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 634 người, trong đó:

+ Số người đã tham gia: 618 người.

+ Số người chưa tham gia: 16 người (mới ký hợp đồng lao động và đã báo tăng ngày 08/9/2023).

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia: 58 người (là người lao động cao tuổi). Doanh nghiệp đã trả khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động không thuộc đối tượng phải tham gia theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp.

- Số tiền phải nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 08/2023: 1.345.633.040 đồng.

- Tính tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp trích đóng đầy đủ tiền cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

### **III. KẾT LUẬN**

#### **1. Những quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động đã được Trường thực hiện**

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã đăng thông tin tuyển dụng và thực hiện phỏng vấn trực tiếp người lao động ứng tuyển; không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.4. Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử có đủ các thông tin về người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.7. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.

1.8. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.9. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.10. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ theo quy định.

1.11. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại Trường.

1.12. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động, mức 30.000 đồng/người/ca làm việc.

1.13. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.14. Trường không có trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất; không phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.15. Trường sử dụng 375 người lao động nữ, 03 người lao động nước ngoài và 58 người lao động cao tuổi. Trường đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động đặc thù.

1.16. Tại Trường không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.17. Đã thống kê đầy đủ người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

1.18. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.19. Đã bố trí bộ phận làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và bộ phận làm công tác y tế theo quy định.

1.20. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.21. Đã xây dựng và ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.22. Đã thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định.

1.23. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.24. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.25. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.26. Đã khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.27. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

*K*



1.28. Đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

## **2. Những quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được Trường thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm và hằng năm về tình hình thay đổi lao động gửi cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương chưa đúng thời hạn (báo cáo 6 tháng đầu năm 2022 lập ngày 08/7/2022; báo cáo năm 2022 lập ngày 10/01/2023 và báo cáo 6 tháng đầu năm 2023 lập ngày 10/7/2023) theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Trình tự, thủ tục xây dựng thỏa ước lao động tập thể chưa bảo đảm quy định, cụ thể:

- Chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Bộ luật Lao động.

- Chưa lập biên bản phiên họp thương lượng tập thể theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Lao động.

- Chưa tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của người lao động về những nội dung thương lượng tập thể đã đạt được trước khi ký kết thỏa ước lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Bộ luật Lao động.

2.3. Nội quy lao động có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật lao động, cụ thể:

- Không quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động; điểm i khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động.

- Điều 12 quy định: tất cả các trường hợp nghỉ đều phải xin phép là không đúng với quy định tại Điều 115 Bộ luật Lao động.

2.4. Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.5. Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.6. Chưa lưu giữ đầy đủ tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động theo quy định tại khoản 7 Điều 45 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một

số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.7. Sổ thống kê tai nạn lao động chưa đủ thông tin cần thiết (thiếu thông tin về mã số bảo hiểm xã hội, trình độ, yếu tố gây chấn thương, loại chấn thương của người bị nạn) theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

#### IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

#### V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của Trường khắc phục vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này như sau:

+ Khắc phục vi phạm nêu tại điểm 2.1 và điểm 2.2 khi phát sinh.

+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này, khắc phục vi phạm còn lại và báo cáo (bằng văn bản) kết quả khắc phục các kiến nghị nêu trên, gửi kèm các văn bản, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục sai phạm về Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).

- Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của Trường ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra./.

Nơi nhận:

- Trường Đại học Phenikaa (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- CTCP TĐ Phương Hoàng Xanh A&A (để biết);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Anh Tuấn